TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 922/2025/DS-PT
Ngày: 26 – 12 – 2025
V/v tranh chấp về dân sự – Đòi lại tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Liên Hiệp

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng

Bà Nguyễn Thị Ánh Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Hồng Diễm, Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Đào Quyên, Kiểm sát viên.

Trong ngày 26/12/2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 670/2025/TLPT- DS ngày 03 tháng 11 năm 2025 về việc "V/v Tranh chấp về dân sự – Đòi lại tài sản"

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 40/2025/DS-ST ngày 20/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 0 – Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1349/2025/QĐ-PT ngày 18 tháng 11 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH Thương mại XNK H.

Địa chỉ: số 0, đường 0, phường M, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Chí T – Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Thành: Bà Nguyễn Thụy Băng C, sinh năm 1988, Chức vụ: Kế toán. Địa chỉ: số 0, đường 0, phường M, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 1995;

Địa chỉ: số 0, đường 0, phường M, tỉnh Đồng Tháp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Trịnh Thị Đ, sinh năm 1969; Địa chỉ: số 0, đường 0, phường M, tỉnh Đồng Tháp.

2. Hoàng Trung T, sinh năm 1989; Địa chỉ: số 0, đường 0, phường M, tỉnh Đồng Tháp.

Bà C và bà D có mặt tại phiên tòa.

Ông T và bà Đ vắng mặt không có lý do.

- Kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Thùy D là bị đơn của vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo đơn khởi kiện và Bản tự khai ngày 07/4/2025, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn Công ty TNHH Thương mại XNK H trình bày:***

Ngày 20/3/2024 và ngày 25/3/2024 công ty H có giao hàng hóa là sản phẩm Nivea cho cửa hàng Minh L do anh Q làm chủ, tổng số tiền là 29.063.000 đồng. Phía cửa hàng Minh L đã trả tiền sản phẩm cho bà D xong, nhưng không xác định ngày giao. Phần bà D xác định đã thu của cửa hàng Minh L với số tiền là 29.063.000 đồng.

Do bà D là nhân viên bán hàng của công ty D là đối tác của công ty H; Công ty H phân phố sản phẩm của D, nên bà D bán hàng và giao tiền cho công ty H.

Bà D đã thu tiền của cửa hàng Minh L nhưng không giao tiền lại cho công ty H.

Hình thức giao tiền là nhân viên bán hàng thu tiền rồi gặp kế toán để xóa công nợ đối với nhưng cửa hàng đã trả tiền, sau đó gặp thủ quỹ nhận bảng kê tiền xong giao cho thủ quỹ, thủ quỹ nhận tiền xong đóng dấu đã thu tiền hoặc đưa tiền cho thủ quỹ ký nhận trong sổ; người giao tiền chụp hình lại bảng kê hoặc sổ giao nhận tiền.

Bà D cho rằng đã giao tiền cho công ty H rồi nhưng bà D không chứng minh được đã giao tiền như thế nào. Đối với ý kiến của bà D cho rằng ngày 30/9/2024 bà D có đến công ty H có gửi đơn xin nghỉ việc ký bàn giao công việc với quản lý là không có.

Nay chị C yêu cầu bà Nguyễn Thị Thùy D trả lại cho công ty TNHH TM XNK H số tiền 29.063.000 đồng (Hai mươi chín triệu sáu mươi ba nghìn đồng), khi bản án có hiệu lực pháp luật.

**** Theo Bản trình bày ý kiến ngày 05/6/2025 của bị đơn bà Nguyễn Thị Thùy D, bà D trình bày:***

Thời gian trước đây bà D có làm việc tại công ty TNHH TM XNK H; địa chỉ: số 0, đường 0, phường M, tỉnh Tiền Giang. Chức vụ là nhân viên bán hàng của công ty D Việt Nam, dưới sự quản lý trực tiếp của ông Hoàng Trung T (quản lý khu vực Tiền Giang).

Tháng 04/2024, bà D đến thời gian nghỉ thai sản và không tiếp tục làm việc tại công ty H nữa. Vì vậy, bà D đã hoàn tất hết các khoản công nợ với phía công ty H và bàn giao công việc cho quản lý, đồng thời có thông báo với công ty H biết, trong đó có toa nợ của khách hàng tên Nhà phân phối Minh L với số tiền 29.063.000 đồng. Cụ thể: bà D đã nộp số tiền 29.063.000 đồng (bằng tiền mặt) cho bà Trịnh Thị Đ – thủ quỹ của công ty H.

Theo quy trình nộp tiền, phía công ty H không có biên lai thu tiền, chỉ có phiếu kê bản kê nộp tiền và do bên thủ quỹ công ty giữ.

Sau đó bà D nghỉ thai sản thời gian 06 tháng và quyết định nghỉ việc luôn do em bé còn nhỏ. Ngày 30/9/2024, bà D có đến công ty H gửi đơn xin nghỉ việc, ký bàn giao công việc với quản lý và quản lý cũng có thông báo với công ty về vấn đề bà nghỉ việc. Sau 06 tháng nghỉ thai sản và hơn 01 tháng xin nghỉ việc, bà D không nhận được bất kỳ thông báo nào của công ty H về phần công nợ của khách hàng. Đến tháng 11/2024 bà mới nhận được tin nhắn của công ty H về toa nợ của Nhà phân phối Minh L.

Nay bà D không đồng ý trả cho công ty H số tiền 29.063.000 đồng (Hai mươi chín triệu sáu mươi ba nghìn đồng) vì bà đã giao trả xong số tiền nêu trên cho thủ quỹ của công ty H.

**** Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 26/6/2025 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trịnh Thị Đ trình bày:***

Bà Đông là thủ quỹ công ty TNHH TM XNK H. Bà Nguyễn Thị Thùy D làm tiếp thị bán hàng.

Quy trình nếu tiếp thị có thu tiền của khách hàng thì sẽ giao nộp cho công ty phải báo qua kế toán quản lý của tiếp thị, trên cơ sở đó kế toán huỷ toa nợ khách hàng của tiếp thị, tiếp thị mới qua nộp tiền cho bà, có ký sổ. Nếu không có báo kế toán thì tiếp thị phải có ghi sổ và bà ký nhận vào sổ của tiếp thị, hoặc bà đóng mộc đã nhận tiền vô phiếu và tiếp thị giữ phiếu để chứng minh đã nộp tiền xong.

Bà D cho rằng đã giao cho bà Đ số tiền 29.063.000 đồng là không đúng. Bà Đ xác định không có nhận số tiền 29.063.000 đồng (Hai mươi chín triệu sáu mươi ba nghìn đồng) từ bà D.

**** Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 26/6/2025 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Trung T trình bày:***

Ông T làm giám sát bán hàng của các nhân viên bán hàng triển khai vấn đề khuyến mãi, các vấn đề của công ty đến các nhân viên bán hàng. Ông T không quản lý việc thu tiền của nhân viên bán hàng đối với các cửa hàng. Việc nhân viên bán hàng giao tiền cho công ty phải thông qua kế toán và thủ quỹ của công ty, không có thông qua ông T.

Đối với các công nợ còn thiếu thì kế toán nhắc ông T và ông nhắc các nhân viên bán hàng thu tiền của các cửa hàng để thu tiền giao cho công ty, việc thu tiền và giao tiền của nhân viên bán hàng không có thông qua ông.

Đối với ý kiến của bà D cho rằng ngày 30/9/2024, bà D có đến công ty H gửi đơn xin nghỉ việc và ký bàn giao công việc với quản lý là không có. Bởi vì, nhân viên bán hàng xin nghỉ không thông qua công ty H do nhân viên bán hàng là nhân viên của công ty D, không phải nhân viên của công ty H.

Đối với tin nhắn bà D chuyển tiền cho ông T số tiền 6.500.000 đồng của Minh L là số tiền khác chứ không phải 02 toa của Minh L ngày 20/3/2024 và ngày 25/3/2024. Trong tin nhắn, ông T có nhắn cho bà D *"Ok e. 2 toa kia e ck cho dì 5 nha"* và dì 5 tức là bà Đ - thủ quỹ của công ty H. Tin nhắn này thể hiện ông T có nhắc nhở bà D về 02 toa hàng của cửa hàng Minh Lmà công ty H đang kiện bà D.

* Tại Quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 40/2025/DS-ST ngày 20 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 0- tỉnh Đồng Tháp quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Thương mại Xuất nhập khẩu H.

Buộc bà Nguyễn Thị Thuỳ D có trách nhiệm trả cho Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Thương mại Xuất nhập khẩu H số tiền là 29.063.000 đồng (hai mươi chín triệu không trăm sáu mươi ba nghìn đồng), khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thuỳ phải chịu 1.453.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Thương mại Xuất nhập khẩu H số tiền 727.000 đồng, tiền tạm ứng án phí mà cho Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Thương mại Xuất nhập khẩu H đã nộp theo biên lai thu số 0004026 ngày 08/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tiền Giang.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về quyền yêu cầu thi hành án khi bản án có hiệu lực pháp luật và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

- Kháng cáo: Ngày 23/9/2025, bà Nguyễn Thị Thùy D là bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Bà D không đồng ý trả cho công ty TNHH TM XNK H số tiền là 29.063.000 đồng (Hai mươi chín triệu không trăm sáu mươi ba nghìn đồng).

* Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật ở giai đoạn phúc thẩm:

+ Về tố tụng: Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa cũng như Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự có mặt tại phiên tòa đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thùy D; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, đã được kiểm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thùy D, là bị đơn trong hạn luật định, hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thùy Dg:

Công ty TNHH TM XNK H khởi kiện và cho rằng: hai toa hàng vào ngày 20/3/2024 và ngày 25/3/2024 công ty H giao sản phẩm Nivea cho cửa hàng Minh L; Cửa hàng Minh L đã trả xong tiền sản phẩm với số tiền là 29.063.000 đồng cho bà Nguyễn Thị Thùy D là tiếp thị nhưng bà D không thực hiện việc nộp lại cho công ty H.

Nay công ty H yêu cầu bà Nguyễn Thị Thùy D trả lại cho công ty số tiền 29.063.000 đồng (Hai mươi chín triệu sáu mươi ba nghìn đồng)

Bà D thừa nhận: Thông qua bà D, cửa hàng Minh L đã trả xong số tiền 29.063.000 đồng mua sản phẩm Nivea tại hai toa hàng vào ngày 20/3/2024 và ngày 25/3/2024 cho công ty H. Sau khi nhận được số tiền 29.063.000 đồng này, bà D nộp trực tiếp tiền mặt cho bà Trịnh Thị Đ là thủ quỹ của công ty H. Việc giao tiền cho công ty H không có biên lai thu tiền, chỉ có phiếu kê bản kê nộp tiền và do bên thủ quỹ công ty giữ.

Nay bà D không đồng ý trả cho công ty H số tiền 29.063.000 đồng vì bà đã nộp trả xong số tiền nêu trên cho thủ quỹ của công ty H.

Qua chứng cứ thể hiện tại hồ sơ, lời trình bày của các bên đương sự tại phiên tòa cho thấy:

Bà D thừa nhận có nhận số tiền 29.063.000 đồng của cửa hàng Minh L trả tiền mua sản phẩm của công ty H và đã giao số tiền 29.063.000 đồng cho bà Trịnh Thị Đ là thủ quỹ của công ty H. Nhưng bà D không có chứng cứ chứng minh việc giao nộp lại số tiền 29.063.000 đồng của hai toa hàng vào ngày 20/3/2024 và ngày 25/3/2024 cho công ty H. Bà D chỉ trình bày về việc nộp tiền nhưng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ nộp tiền cho thủ quỹ của công ty H vào thời gian cụ thể nào? có ai chứng kiến việc nộp tiền hay không?

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà D trình bày và xuất trình một quyết định nghỉ việc và một bàn giao công việc vào ngày 13/9/2024 (bản photo) bằng tiếng nước ngoài chưa dịch; Tuy nhiên tài liệu, chứng cứ này không chứng minh được việc bà D đã thanh toán xong 02 toa hàng ngày 20/3/2024 và ngày 25/3/2024. Bà D thừa nhận, khi nộp trả tiền cho công ty H thì bà D không lấy biên nhận hoặc giấy nộp tiền là sơ suất của bà. Đ thời, bà D xác định: sau khi ông T nhắn cho bà chuyển khoản trả nợ 02 toa hàng (tin nhắn trên nền tảng zalo do bà D cung cấp), bà cũng không thông báo lại cho ông T đã giao trả xong tiền cho công ty H.

Bên cạnh đó, bà Trịnh Thị Đ cũng không thừa nhận nội dung vụ việc do bà D trình bày, không thừa nhận có nhận từ bà D nộp cho Công ty H số tiền 29.063.000 đồng của hai toa hàng vào ngày 20/3/2024 và ngày 25/3/2024.

Với những phân tích nêu trên xét thấy: Bà D kháng cáo và chỉ trình bày, không xuất trình được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của bà nên không thể chấp nhận kháng cáo của bà D.

[3] Xét ý kiến đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Từ những nhận xét trên, Hội đồng xét xử xét thấy kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thùy D là không có căn cứ nên không chấp nhận.

[4] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên bà Nguyễn Thị Thùy D phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 91, Điều 147, Khoản 1 Điều 148 và Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 166 của Bộ luật Dân sự;

Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thùy D.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 40/2025/DS-ST ngày 20 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 0- tỉnh Đồng Tháp.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của công ty Trách nhiệm Hữu hạn Thương mại Xuất nhập khẩu H.

- Buộc bà Nguyễn Thị Thuỳ D có trách nhiệm trả cho công ty Trách nhiệm Hữu hạn Thương mại Xuất nhập khẩu H số tiền là 29.063.000 đồng (Hai mươi chín triệu sáu mươi ba nghìn đồng), khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị Thuỳ D phải chịu 1.453.000 đồng (Một triệu bốn trăm năm mươi ba nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Thị Thùy D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002737 ngày 24/9/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

- Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Thương mại Xuất nhập khẩu H được nhận lại số tiền 727.000 đồng (Bảy trăm hai mươi bảy nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004026 ngày 08/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tiền Giang (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 0 – Đồng Tháp).

5. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Phòng TT,KT &THA TAT
- VKSND Tỉnh;
- Thi hành án dân sự Tỉnh;
- Tòa án ND khu vực 0;
- Phòng THADS khu vực 0
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Phạm Thị Liên Hiệp